

UNIT 2. DAYS

Vocabulary and listening: A special day – Unit 2 – Tiếng Anh 6 – Friends Plus

THINK! What are the most important celebrations in your country?

(Hãy nghĩ xem! Những dịp lễ quan trọng nhất ở đất nước em là gì?)

Hướng dẫn giải:

The most important celebrations in Viet Nam are Lunar New Year, Mid-Autumn Festival, Independence Day, Vietnamese Teachers' Day, Hung King's Anniversary ...

(Những dịp lễ quan trọng nhất ở Việt Nam là Tết Nguyên Đán, Tết Trung thu, Ngày quốc khánh, Ngày Nhà giáo Việt Nam, Giỗ tổ vua Hùng...)

1. Complete the questionnaire with the words in the box.

(Hoàn thành bảng câu hỏi với các từ trong khung.)

sing	dance	play	celebrate	wear	have
give	visit	go out	invite	make	

HAPPY DAYS!
When it's a special day and you want to <u>celebrate</u> , what do you do?
Do you ever...?
1. songsmusic or
2. or crazy clothes or costumes
3.presents to people
4.with your family or friends
5. people orpeople to your house
6.a special family meal

Phương pháp:

- sing (v): hát
- dance (v): nhảy múa/ khiêu vũ
- play (v): chơi
- celebrate (v): tổ chức, kỷ niệm
- wear (v): mặc
- have (v): có
- give (v): đưa/ tặng

- visit (v) ghé thăm/ tham quan
- go out (v): đi chơi
- invite (v): mời
- make (v): làm nên/ tạo ra

Hướng dẫn giải:

1. sing, play, dance	2. wear, make	3. give	4. go out	5. visit, invite	6. have
----------------------	---------------	---------	-----------	------------------	---------

When it's a special day and you want to celebrate, what do you do?

Do you ever...?

1. sing songs, play music or dance
2. wear or make crazy clothes or costumes
3. give presents to people
4. go out with your family or friends
5. visit people or invite people to your house
6. have a special family meal

Tạm dịch:

Khi đó là một ngày đặc biệt và bạn muốn ăn mừng, bạn sẽ làm gì?

Bạn đã từng...?

1. hát các bài hát, chơi nhạc hoặc khiêu vũ
2. mặc hoặc làm quần áo hoặc trang phục điên rồ
3. tặng quà cho mọi người
4. đi chơi với gia đình hoặc bạn bè của bạn
5. thăm mọi người hoặc mời mọi người đến nhà của bạn
6. có một bữa ăn gia đình đặc biệt

2. Read the Study Strategy. Then look at exercise 3. What is the radio programme about? What topics or words do you need to listen for?

(Đọc Chiến lược học tập. Sau đó xem bài tập 3. Chương trình phát thanh nói về điều gì? Bạn cần nghe những chủ đề hoặc từ nào?)

STUDY STRATEGY
Preparing to listen • Read the listening questions carefully before listening. • Look at the title of the text and the photos to help you predict what to hear.

**Phương pháp:****CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP****Chuẩn bị nghe**

- Đọc kỹ câu hỏi nghe trước khi nghe.
- Nhìn vào tiêu đề của văn bản và các bức ảnh để giúp bạn dự đoán những gì sẽ nghe.

Hướng dẫn giải:

The radio programme is about special days or celebrations. I need to listen for words such as fireworks, noodles, lion dance, lucky money.

(Chương trình phát thanh nói về những ngày đặc biệt hoặc lễ kỷ niệm. Cần nghe các từ như pháo hoa, phở, múa lân, lì xì.)

3. Read the introduction to the radio programme. Then listen. In what order do they mention the objects in the photos?

(Đọc phần giới thiệu về chương trình radio. Sau đó nghe. Họ đề cập các ảnh theo trình tự nào?)

Tết – Vietnamese Lunar New Year

Radio presenter Zoe Muller talks to people about Vietnamese Lunar New Year celebrations in London.

(Tết âm lịch của người Việt Nam. Phát thanh viên Zoe Muller nói với mọi người về việc tổ chức Tết Nguyên Đán của người Việt Nam ở Luân Đôn.)



Hướng dẫn giải:

1. D – 2. B – 3. C – 4. A

Nội dung bài nghe:

Girl 1: The streets look really pretty.

Girl 2: Yes, I love the Tet festival. It's for Lunar New Year people decorate the streets.

Girl 1: It looks lovely, these red envelopes are nice.

Girl 2: Yes, they have for money.

Girl 1: For money? Really?

Girl 2: Yes, I do give money to children in the envelopes. It gives them good luck for the new year.

Girl 1: That's nice.

Girl 2: Yes, it is. Children are happy at Lunar New Year.

Girl: What do you do before Lunar New Year?

Boy: Well, people clean their houses.

Girl: They clean?

Boy: Yes, it's very important for Vietnamese people that things are new for Lunar New Year. People decorate their homes with flowers, too.

Girl: Ah... Okay. And do you have a special meal?

Boy: Yes, we do. There's a lot of different food and we often eat vegetarian food.

Girl: Ah... OK. When's that?

Boy: That's on the first day of the Lunar New Year festival.

Girl: Where do you eat?

Boy: At my grandmother's house it's a very big meal.

Girl: Who does she invite?

Boy: Oh, she invites all the family.

Girl 1: Is that typical Vietnamese music?

Girl 2: Yes, that's the lion dance. Look, it's outside the restaurant.

Girl 1: Does the line stop at all the restaurants?

Girl 2: Yes, it does.

Girl 1: That's amazing! What's that?

Girl 2: It's OK. Those are fireworks. Do you like fireworks?

Girl 1: No, I don't. I think they're dangerous.

Girl 2: No, they're not dangerous. But they're very noisy.

Tạm dịch bài nghe:

Nữ 1: Đường phố trông rất đẹp.

Nữ 2: Vâng, tôi rất thích ngày Tết. Người ta trang trí đường phố cho Tết Nguyên đán.

Nữ 1: Trông thật đáng yêu, những chiếc phong bì màu đỏ này thật đẹp.

Nữ 2: Vâng, chúng dùng để lì xì.

Nữ 1: Lì xì? Thật á?

Nữ 2: Vâng, tôi lì xì cho trẻ em trong phong bì. Nó mang lại cho bọn trẻ những điều may mắn trong năm mới.

Nữ 1: Hay đấy.

Nữ 2: Đúng vậy. Trẻ em rất vui vào dịp Tết Nguyên đán.

Nữ: Bạn làm gì trước Tết Nguyên đán?

Nam: À, người ta dọn dẹp nhà cửa.

Nữ: Họ quét dọn à?

Nam: Đúng vậy, đối với người Việt Nam, mọi thứ cần phải mới vào Tết Nguyên Đán. Mọi người cũng trang trí nhà của họ bằng hoa.

Nữ: À... Được rồi. Và bạn có một bữa ăn đặc biệt không?

Nam: Vâng, chúng tôi có. Có rất nhiều thức ăn khác nhau và chúng tôi thường ăn đồ chay.

Nữ: À... Vâng. Đó là khi nào?

Nam: Đó là vào ngày mừng 1 Tết.

Nữ: Bạn ăn ở đâu?

Nam: Ở nhà bà ngoại, đó là một bữa ăn rất thịnh soạn.

Nữ: Bà mời ai?

Nam: Ồ, bà mời cả nhà.

Nữ 1: Đó có phải là âm nhạc đặc trưng của người Việt Nam không?

Nữ 2: Vâng, đó là múa lân. Nhìn kia, nó ở bên ngoài nhà hàng.

Nữ 1: Con lân dừng lại ở tất cả các nhà hàng không?

Nữ 2: Có.

Nữ 1: Thật tuyệt! Kia là gì vậy?

Nữ 2: Không có gì. Đó là pháo hoa. Bạn có thích pháo hoa không?

Nữ 1: Không, tôi không. Tôi nghĩ chúng nguy hiểm.

Nữ 2: Không, chúng không nguy hiểm. Nhưng chúng rất ồn ào.

4. Listen again and write True or False.

(Nghe lại và viết Đúng hay Sai.)

1. People give money as a present at Lunar New Year.
2. People eat a lot before Lunar New Year.
3. People eat lots of meat at Lunar New Year.
4. The grandmother invites all the family to a big meal.
5. The lion only stops at some restaurants.

Hướng dẫn giải:

1. True	2. False	3. False	4. True	5. False
---------	----------	----------	---------	----------

1. True

(Mọi người tặng tiền như món quà vào Tết âm lịch. => Đúng)

2. False (People clean their houses before Lunar New Year.)

(Mọi người ăn nhiều trước Tết âm lịch. => Sai: Mọi người quét dọn nhà cửa trước Tết âm lịch.)

3. False (People often eat vegetarian food at Lunar New Year.)

(Mọi người ăn nhiều thịt vào Tết âm lịch. => Sai: Mọi người ăn chay nhiều vào Tết âm lịch.)

4. True

(Bà mời mọi người trong gia đình đến bữa ăn lớn. => Đúng)

5. False (The lion stops at all the restaurants.)

(Con lân chỉ dừng lại ở một số nhà hàng. => Sai: Con lân dừng lại ở tất cả nhà hàng.)

5. USE IT! Work in groups. Ask and answer the questions in the Happy Days!**Questionnaire in exercise 1. Use adverbs of frequency in your answers.**

(Thực hành! Làm việc theo nhóm. Hỏi và trả lời những câu hỏi trong bảng câu hỏi Happy Days! ở bài tập 1. Sử dụng trạng từ chỉ tần suất trong câu trả lời.)

A: Do you ever sing songs?

(Bạn có hát bao giờ chưa?)

B: Yes, sometimes./ No, not usually./ No, never!

(Có, thỉnh thoảng./ Không, không thường xuyên lắm./ Không, chưa bao giờ.)

Hướng dẫn giải:

A: Do you ever play music or dance?

B: Yes, very usually.

A: Do you ever wear or make crazy clothes or costumes?

B: No, never.

A: Do you ever give presents to people?

B: Yes, sometimes.

A: Do ever go out with your family or friends?

B: Yes, very often.

A: Do you ever visit people or invite people to your house?

B: Yes, very usually.

A: Do you ever have a special family meal?

B: Yes, sometimes, on special days.

Tạm dịch:

A: Bạn có bao giờ chơi nhạc hoặc khiêu vũ không?

B: Vâng, rất thường xuyên.

A: Bạn có bao giờ mặc hoặc làm những bộ quần áo hoặc trang phục điên rồ không?

B: Không, không bao giờ.

A: Bạn có bao giờ tặng quà cho mọi người không?

B: Có, đôi khi.

A: Có bao giờ đi chơi với gia đình hoặc bạn bè của bạn không?

B: Vâng, rất thường xuyên.

A: Bạn có bao giờ đến thăm mọi người hoặc mời mọi người đến nhà của bạn không?

B: Vâng, rất thường xuyên.

A: Bạn đã bao giờ có một bữa ăn gia đình đặc biệt?

B: Có, đôi khi, vào những ngày đặc biệt.